TOA AN NHAN DAN **HUYỆN THẠNH PHÚ** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 105/2018/DS–ST
Ngày: 18- 5 - 2018.
V/v tranh chấp "Hợp đồng góp hụi".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ – TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Thanh Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Văn Hai.

2. Bà Phan Thị Cẩm Hồng.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tơ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú: Ông Nguyễn Phú Quí – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 76/2018/TLST–DS ngày 09 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp "Hợp đồng góp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 882/2018/QĐST– DS ngày 16/4/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1963; địa chỉ: 190/2 ấp GB, xã G, huyện P, tỉnh Bến Tre, có mặt.

- *Bị đơn:*

1. Bà Lê Thị L, sinh năm 1966;

2. Ông Đặng Văn K, sinh năm 1968. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: 94/1 ấp GB, xã G, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Ngày 09/5/2018 bà L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án bà Nguyễn Thị Đ trình bày:

Vào năm 2015 bà có làm chủ hụi, bà L có tham gia chơi 02 dây hụi, cụ thể như sau:

- Dây hụi thứ nhất: hụi khui ngày 01/10/2015 (âm lịch), mãng hụi 01/10/2017 (âm lịch), có 24 hụi viên tham gia; bà L tham gia 01 phần hụi; mỗi phần hụi là 3.000.000 đồng; hụi khui và góp hàng tháng. Bà L đóng hụi được 06 tháng thì hốt hụi (ngày 01/5/2016 âm lịch), bà giao cho bà L với số tiền 55.000.000 đồng. Sau khi hốt hụi thì bà L có đóng hụi chết 07 tháng với số tiền 21.000.000 đồng và còn nợ lại 07 tháng hụi chết chưa đóng với số tiền 21.000.000 đồng.

- Dây thứ hai: hụi khui ngày 25/8/2015 (âm lịch), mãng hụi ngày 25/10/2017 (âm lịch); có 26 hụi viên tham gia; bà L tham gia 01 phần hụi; mỗi phần hụi là 2.000.000 đồng; hụi khui và góp hàng tháng. Bà L đóng hụi được 07 tháng thì kêu hốt hụi (ngày 25/5/2016 âm lịch); lúc đó bà giao tiền hụi cho bà L đầy đủ nhưng bà không nhớ chính xác bao nhiêu tiền. Sau khi hốt hụi thì bà L có đóng hụi chết cho bà được 08 tháng với số tiền 16.000.000 đồng và còn nợ lại 10 tháng hụi chết chưa đóng với số tiền 20.000.000 đồng.

Tổng số tiền mà bà L nợ của bà trong hai dây hụi trên là 41.000.000 đồng; vào ngày 20/7/2017 âm lịch bà L có trả cho bà được 4.000.000 đồng và còn nợ lại số tiền 37.000.000 đồng. Mục đích bà L chơi hụi là để sử dụng chung trong gia đình cụ thể là bơm đất để sửa chữa nhà cửa. Các lần khui hụi và giao hụi thì ông K không có chứng kiến nhưng bà khẳng định ông K hoàn toàn biết việc bà L có tham gia chơi hụi và nợ tiền hụi của bà.

Hiện nay bà bị bệnh nan y (bướu ác tuyến giáp), điều kiện kinh tế gia đình rất khó khăn nên bà yêu cầu bà L và ông K phải trả một lần hết số tiền là 37.000.000 đồng, bà không yêu cầu tính lãi.

Trong quá trình tố tụng tại Tòa án bị đơn Nguyễn Thị L trình bày:

Bà thừa nhận lời trình bày của bà Đ là đúng. Hiện nay bà còn nợ tiền hụi của Đ với số tiền là 37.000.000 đồng.

Mục đích bà chơi hụi để làm vốn mua bán và cho một số bạn bè của bà mượn tiền để làm ăn nhưng bạn bè của không trả cho bà nên bà không có khả năng thanh toán cho bà Đ. Việc bà chơi hụi và nợ tiền của bà Đ thì ông K là chồng bà không biết vì bà sử dụng vào việc cá nhân; không dùng để chi tiêu trong gia đình.

Bà đồng ý trả cho bà Đ số tiền 37.000.000 đồng nhưng hiện nay kinh tế gia đình bà đang gặp khó khăn nên không thể trả một lần cho bà Đ, bà yêu cầu bà Đ

cho bà trả dần mỗi tháng 300.000 đồng cho đến khi hết số tiền 37.000.000 đồng. Bà không yêu cầu ông K phải có trách nhiệm liên đới với bà để trả nợ cho bà Đ.

Vào ngày 09/5/2018 bà L có đơn xin xét xử vắng mặt.

Trong quá trình tố tụng tại Tòa án bị đơn Đặng Văn K trình bày:

Ông là chồng của bà Lê Thị L; việc bà L chơi hụi và nợ tiền của bà Đ cụ thể như thế nào ông không biết do khi bà L tham gia chơi hụi thì không bàn bạc với ông. Ông chỉ biết bà L chơi hụi và nợ tiền bà Đ khi bà Đ bắt đầu khởi kiện ra Tòa án. Mục đích bà L chơi hụi là sử dụng vào mục đích cá nhận cụ thể: cho bạn của bà L vay, mượn lấy lãi chứ không sử dụng vào mục đích chung trong gia đình.

Ông không đồng ý liên đới với bà L để trả cho bà Đ số tiền 37.000.000 đồng, lý do khi chơi hụi bà L, bà Đ không thông báo cho ông biết, ông không có sử dụng số tiền 37.000.000 đồng.

Bị đơn Đặng Văn K đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông K vẫn vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

1. Về trình tự, thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Đ và bà Lê Thị L đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự; riêng ông Đặng Văn K không thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung: căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa. Áp dụng các Điều 26, 35, 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 479 Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị định 144/2016/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính Phủ qui định về họ, hụi, biêu, phường. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ, buộc bà Lê Thị L và ông Đặng Văn K có nghĩa vụ liên đới giao trả cho bà Đ số tiền là 37.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án "Tranh chấp về hụi, họ, biêu phường" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn Lê Thị L và Đặng Văn K hiện đang sinh sống và đăng ký hộ khẩu tại 94/1 ấp GB, xã G, huyện P, tỉnh Bến Tre do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 33, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về tố tụng: Bị đơn Lê Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt và bị đơn Đặng Văn K đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông K vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt ông K và bà L.

[4] Về nội dung vụ án: bà Đ khởi kiện yêu cầu bà L và ông K phải có nghĩa vụ liên đới giao trả cho bà Đ số tiền 37.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án bà L thừa nhận có tham gia chơi hụi với bà Đ do bà Đ làm chủ hụi và hiện nay còn nợ bà Đ số tiền 37.000.000 đồng. Đây là chứng cứ không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà L đồng ý trả số tiền 37.000.000 đồng cho bà Đ nhưng hiện nay kinh tế gia đình bà đang gặp khó khăn nên yêu cầu trả dần mỗi tháng 300.000 đồng, trả cho đến khi hết số tiền 37.000.000 đồng. Ông K không đồng ý liên đới với bà L trả cho bà Đ số tiền 37.000.000 đồng.

[5] Xét yêu cầu của bà Đ, xét thấy: hợp đồng góp hụi giữa bà Đ với bà L được xác lập trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc nên được xem là hợp đồng hợp pháp. Do vậy làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên nên các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết. Quá trình thực hiện bà L đã vi phạm hợp đồng mà hai bên đã thỏa thuận làm phát sinh tranh chấp. Lẽ đó yêu cầu khởi kiện của bà Đ là có căn cứ nên cần buộc bà L có trách nhiệm trả cho bà Đ số tiền 37.000.000 đồng là phù hợp.

[6] Xét yêu cầu của bà Đ về việc yêu cầu ông K phải liên đới với bà L trả cho bà số tiền là 37.000.000 đồng. Xét thấy: mặc dù khi bà L chơi hụi với bà Đ thì bà L không bàn bạc với ông K nhưng bà L thừa nhận việc chơi hụi là để làm vốn mua bán. Đồng thời, tại biên bản lấy lời khai ngày 06/02/2018 ông K thừa nhận "*Thu nhập hàng ngày của vợ chồng tôi cũng đủ sống, hàng tháng xổ vuông thì đưa tiền toàn bộ cho vợ tôi nên mọi chi tiêu sinh hoạt trong gia đình như:*

nuôi con ăn học, đi đám và các khoản chi phí khác đều do vợ tôi chịu trách nhiệm". Dó đó có đủ cơ sở khẳng định số tiền bà L nợ bà Đ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, khi đó tình cảm giữa bà L với ông K vẫn hạnh phúc, việc bà L chơi hụi với bà Đ mà không bàn bạc với ông K đó là lỗi của bà L. Căn cứ Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình, cần buộc ông K phải có nghĩa vụ liên đới với bà L trả cho bà Đ số tiền 37.000.000 đồng là phù hợp.

[7] Xét yêu cầu trả nợ dần của bà L, xét thấy: sau khi bà L kêu và hốt hụi thì được bà Đ giao đủ tiền hụi nhưng khi hốt hụi xong thì bà L không thực hiện nghĩa vụ đóng hụi chết cho bà Đ làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của bà Đ trong một thời gian dài. Hơn nữa bà L không chứng minh được kinh tế gia đình bà đang gặp khó khăn và tại phiên tòa bà Đ không đồng ý với yêu cầu trả nợ dần của bà L nên yêu cầu trả nợ dần của bà L không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8]Do bà Đ không yêu cầu tính tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] Bà Nguyễn Thị L và ông Đặng Văn K phải liên đới nộp án phí theo quy định của pháp luật, được tính như sau: 5% x 37.000.000 đồng = 1.850.000 đồng.

[10] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm b, khoản 1 Điều 35, 39, 147, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 479 Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình, Nghị định 144/2016/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính Phủ qui định về họ, hụi, biêu, phường. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ; Buộc bà Lê Thị L và ông Đặng Văn K có nghĩa vụ liên đới giao trả cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền là 37.000.000 đồng (ba mươi bảy triệu đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong

tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: bà Lê Thị L và ông Đặng Văn K phải liên đới nộp là 1.850.000 đồng (một triệu tám trăm năm chục ngàn đồng).

Bà Nguyễn Thị Đ được Chi Cục thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 925.000 đồng theo biên lai thu số 0014183 ngày 09 tháng 01 năm 2018 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày (mười lăm ngày), kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định.

Trường hợp bản, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
- THADS huyện;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Cao Thanh Minh